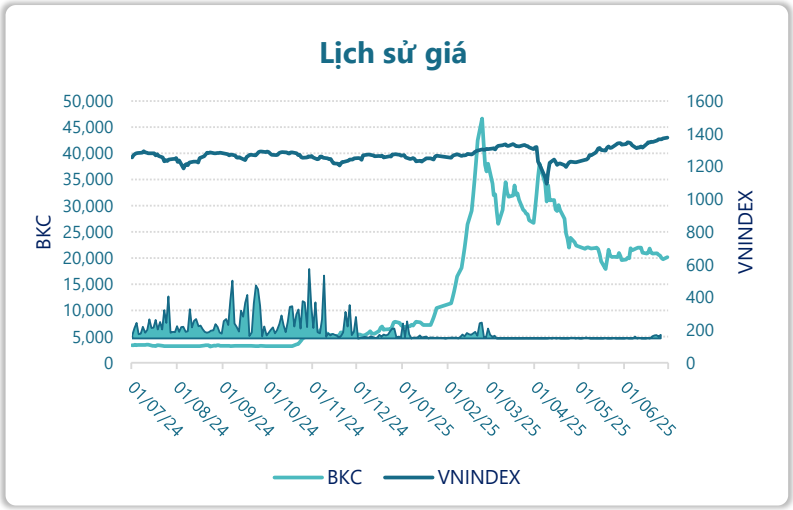
FireAnt

CTCP Khoáng sản Bắc Kạn (HNX: BKC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**40,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,100
SL cổ phiếu LH	11,737,728
KLGD BQ 20 phiên (CP)	42,735
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	473
P/E	7.7
EPS	5,260

DT thuần

Q2/25

98.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 74.7| 319%

YoY: ▼2.90| -2.9%

LN sau thuế

Q2/25

10.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.72| 439%

YoY: ▲ 8.40| 364%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

15.6%

+/- YoY: ▲ 10.3%

DT thuần

6T 2025

121

tỷ VNĐ

YoY: ▼42.0| -25.3%

LN sau thuế

6T 2025

12.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.94| 237%

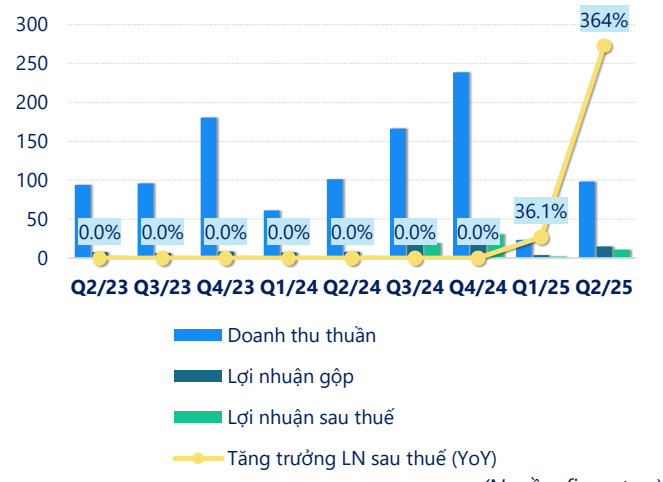
ROE

Q2/25

28.4%

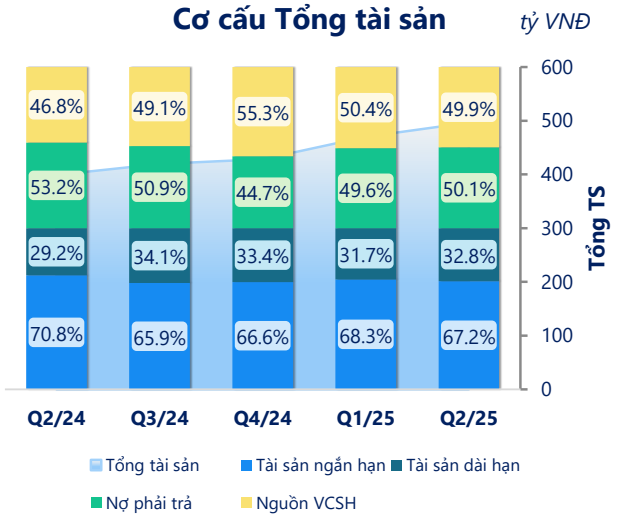
+/- YoY: ▲ 25.0%

Kết quả kinh doanh



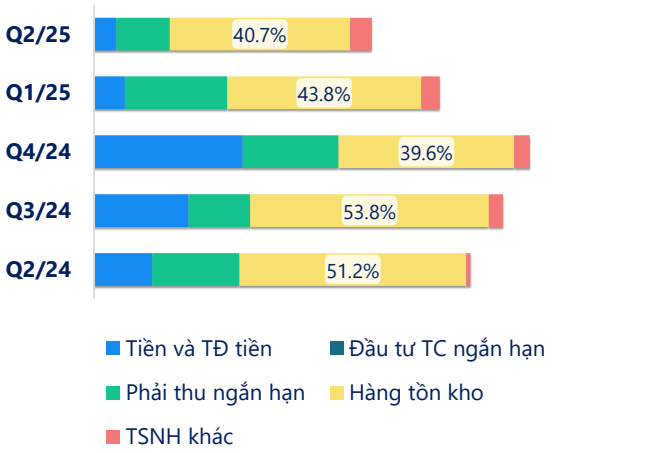
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



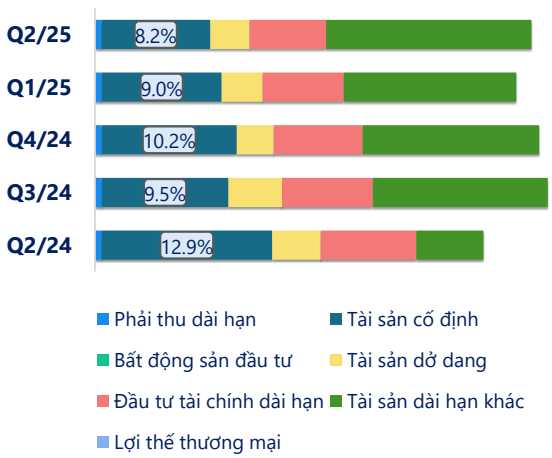
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



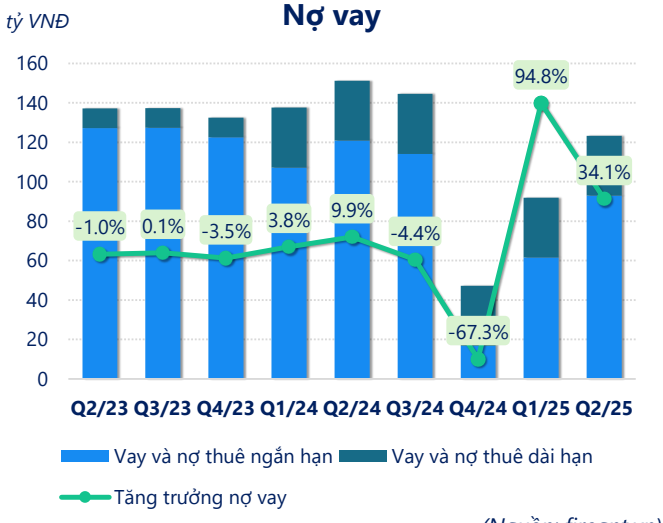
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



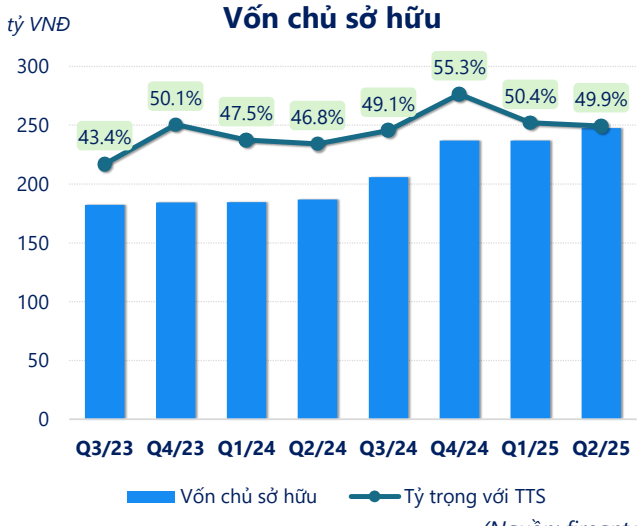
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



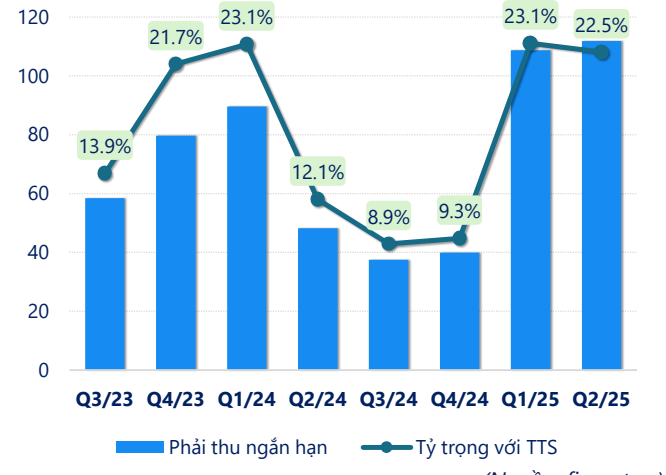
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



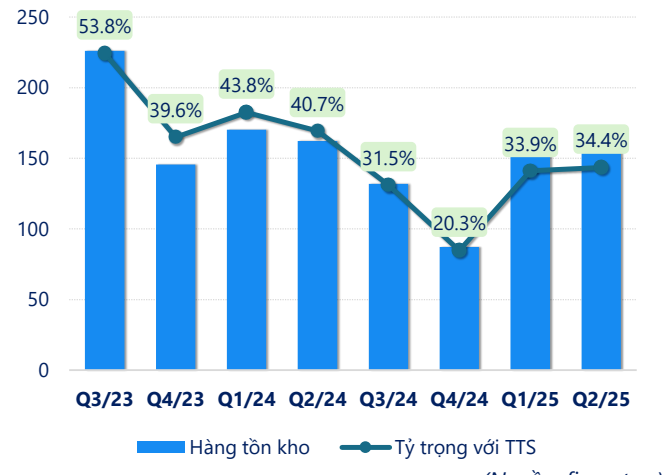
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



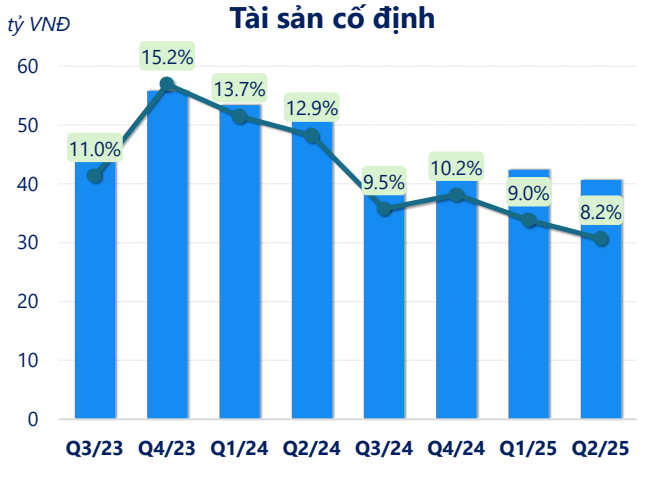
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



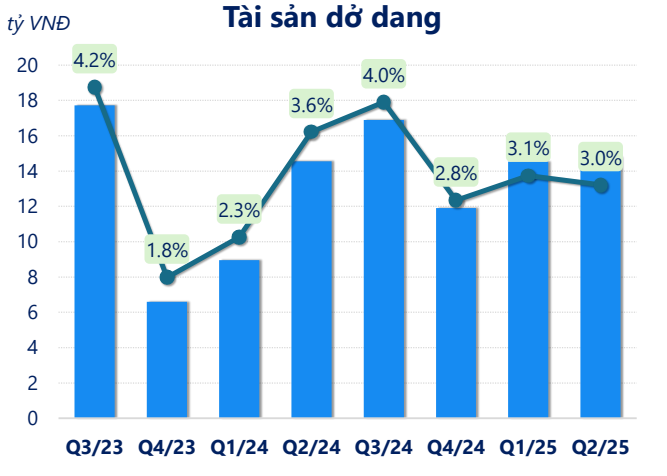
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



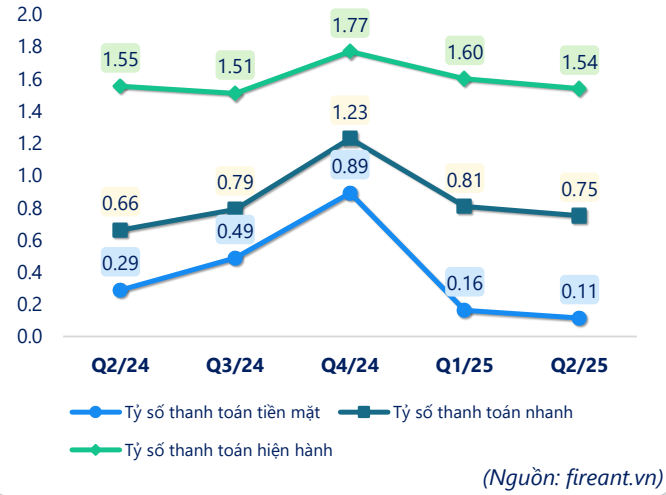
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



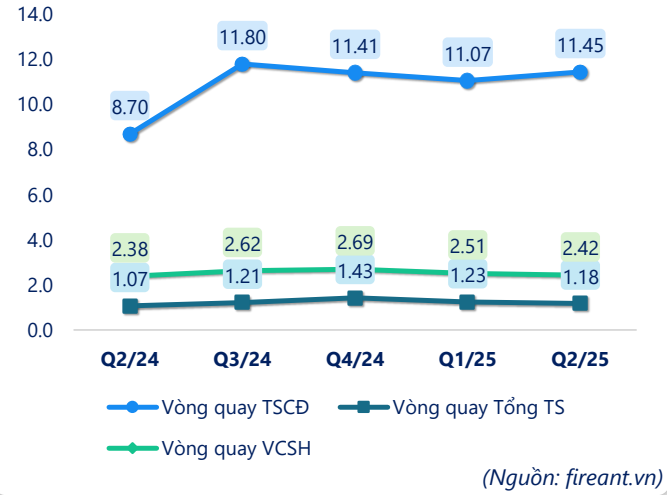
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**399**	**420**	**429**	**470**	**497**
Tài sản ngắn hạn	**282**	**277**	**285**	**321**	**334**
Tiền và tương đương tiền	52.3	89.5	144	32.8	24.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	48.2	37.5	40.0	109	112
Hàng tồn kho	162	132	87.1	159	171
Tài sản ngắn hạn khác	19.6	17.7	14.6	20.3	25.8
Tài sản dài hạn	**117**	**143**	**143**	**149**	**163**
Phải thu dài hạn	1.90	2.14	2.14	2.39	2.39
Tài sản cố định	51.3	40.0	43.6	42.4	40.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	14.6	16.9	11.9	14.5	14.8
Đầu tư tài chính dài hạn	28.7	28.7	28.7	28.6	28.6
Tài sản dài hạn khác	20.1	55.2	56.8	61.0	76.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**212**	**214**	**192**	**233**	**249**
Nợ ngắn hạn	**182**	**183**	**161**	**200**	**217**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	121	114	16.8	61.5	92.9
Phải trả người bán ngắn hạn	33.2	26.3	93.6	90.0	88.7
Nợ dài hạn	30.4	30.4	30.4	32.4	32.4
Vay và nợ thuê dài hạn	30.4	30.4	30.4	30.4	30.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**187**	**206**	**237**	**237**	**248**
Vốn chủ sở hữu	**187**	**206**	**237**	**237**	**248**
Vốn điều lệ	117	117	117	117	117
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)